

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3712/2022/DS-ST
Ngày: 26-09-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn
2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2022/TLST-DS ngày 14/6/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5767/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6458/2022/QĐST-DS ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Địa chỉ: đường N, Phường A, Quận D, Thành phố H
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh T
Địa chỉ liên lạc: đường B, Phường C, quận B, Thành phố H
Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2022)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T1
Địa chỉ: Đường K, VP, phường P, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 23/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Nguyễn Mạnh T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) và Ông Nguyễn Bá T1 có ký các Hợp đồng sau:

1/ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng sử dụng thẻ), nội dung: Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng The Platinum Cashbank với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ thì ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 202.368.012 đồng và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 177.307.000 đồng. Do ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nên ngày 05/10/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền gốc còn nợ là 110.293.124 đồng

2/ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng vay), nội dung: Số tiền vay 110.000.000 đồng; Mục đích vay: tiêu dùng – mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh liên quan. Lãi suất: 03 tháng đầu tiên là 16.5%. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 04 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng VNĐ lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 8.5%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận về các trường hợp không giải ngân, đình chỉ giải ngân, chấm dứt Hợp đồng cho vay, thu hồi nợ trước hạn; thu nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn

Thực hiện thỏa thuận, Ngân hàng S đã giải ngân cho ông T1 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T1 chỉ trả được một phần nợ theo lịch trả nợ dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và còn nợ lại tiền gốc là 71.486.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T1 trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/5/2022 là 218.730.780 đồng, trong đó:

- Hợp đồng vay: gốc 71.486.000 đồng; lãi trong hạn 7.567.190 đồng; lãi quá hạn, phạt chậm trả: 531.730 đồng

- Hợp đồng sử dụng thẻ: gốc 110.293.124 đồng; lãi 28.852.736

Bị đơn Ông Nguyễn Bá T1: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải thanh toán tính đến ngày 26/9/2022 là 242.259.470 đồng, trong đó:

- Hợp đồng vay: gốc 71.486.000 đồng; lãi trong hạn 11.609.049 đồng; lãi quá hạn: 1.261.058 đồng và phạt chậm trả: 492.927 đồng
- Hợp đồng sử dụng thẻ: gốc 110.293.124 đồng; lãi quá hạn 47.117.312 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 27/9/2022 cho đến khi ông T1 thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền vay còn nợ và ông T1 cư trú tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng:

Tại bản tự khai, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S xác nhận cho ông T1 vay để tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân ông T1 phải có trách nhiệm trả các khoản nợ còn thiếu, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng ông T1. Xét ông T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không triệu tập vợ ông T1 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Ông T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Tiến và ông T1.

* Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ được ký giữa Ông Nguyễn Bá T1 và Ngân hàng S; Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ; Phụ lục trả nợ và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đủ cơ sở kết luận: quan hệ vay tài sản giữa ông T1 và Ngân hàng S là có thật và hợp pháp. Các bên thỏa thuận: Số tiền vay 110.000.000 đồng; Mục đích vay: tiêu dùng – mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh liên quan. Lãi suất: 03 tháng đầu tiên là 16.5%. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 04 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 13 tháng VND lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 8.5%/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Ông T1 đã nhận đủ số tiền vay nhưng chỉ trả được một phần nợ theo lịch trả nợ và còn nợ lại tiền gốc là 71.486.000 đồng. Dù Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần nhưng ông T1 vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26/9/2022 là 84.849.034 đồng (1), trong đó: gốc 71.486.000 đồng; lãi trong hạn 11.609.049 đồng; lãi quá hạn: 1.261.058 đồng và phạt chậm trả: 492.927 đồng.

[2] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng kèm bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ông Nguyễn Bá T1 và Ngân hàng S; Bảng tóm tắt sao kê tài khoản và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đủ cơ sở kết luận: Quan hệ vay tài sản giữa ông T1 và Ngân hàng S là có thật và hợp pháp. Các bên thỏa thuận: Ngân hàng S cấp cho ông T1 thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông T1 đã thực hiện các giao dịch từ thẻ với tổng số tiền 202,368,012 đồng và thanh toán cho Ngân hàng S tổng cộng 177.307.000 đồng. Từ ngày 05/6/2021, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ. Ngày 05/10/2021, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành vốn gốc mới là 110.293.124 đồng và tính lãi theo mức lãi suất quá hạn là 3.6%/tháng. Tính đến ngày 26/9/2022, tổng số tiền ông T1 còn nợ là 157.410.436 đồng (2), trong đó: gốc 110.293.124 đồng và lãi quá hạn 47.117.312 đồng.

[3] Tòa án đã tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn. Việc ông T1 không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng S là vi phạm thỏa thuận trong các hợp đồng và các quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các điều 3, 4 và Điều 5 Hợp đồng vay; Các điều 22, 23 và Điều 24 Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc ông T1 thanh toán cho Ngân hàng S một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 26/9/2022 là $(1) + (2) = 84.849.034 \text{ đồng} + 157.410.436 \text{ đồng} = 242.259.470 \text{ đồng}$.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 27/9/2022 cho đến khi ông T1 thanh toán hết nợ gốc.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $242.259.470 \text{ đồng} \times 5\% = 12.112.974 \text{ đồng}$.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Ông Nguyễn Bá T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 26/9/2022 là 242.259.470 (Hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi) đồng, trong đó:

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ, gồm:

- + Gốc 71.486.000 đồng;
- + Lãi trong hạn 11.609.049 đồng
- + Lãi quá hạn 1.261.058 đồng
- + Phạt chậm trả 492.927 đồng

Tổng cộng: 84.849.034 (Tám mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi bốn) đồng

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gồm:

- + Gốc 110.293.124 đồng
- + Lãi quá hạn 47.117.312 đồng

Tổng cộng: 157.410.436 (Một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm mười ngàn bốn trăm ba mươi sáu) đồng

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Bá T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà Ông Nguyễn Bá T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 12.112.974 (Mười hai triệu một trăm mười hai ngàn chín trăm bảy mươi bốn) đồng, Ông Nguyễn Bá T1 chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 5.468.270 (Năm triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0027701 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và Ông Nguyễn Bá T1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh